ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM – TỪ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN ĐẾN VIỆC ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VỀ TÍCH HỢP KỸ NĂNG MỀM TRONG GIẢNG DẠY CHUYÊN MÔN

Nguyễn Tấn Thanh¹, Trịnh Ngọc Ái²

TRAINING SOFT SKILLS – FROM PRACTICAL EXPERIENCE TO RECOMMENDED SOLUTIONS FOR THE INTEGRATION OF SOFT SKILLS INTO TEACHING SPECIALIZED KNOWLEDGE

Nguyen Tan Thanh¹, Trinh Ngoc Ai²

Tóm tắt – Việc trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên đã và đang là vấn đề được cả xã hội và ngành giáo dục quan tâm. Kỹ năng mềm là nhân tố thiết yếu đối với thành công và hạnh phúc của mỗi cá nhân. Thực trạng yếu kém về kỹ năng mềm của sinh viên Việt Nam đã được các tổ chức giáo dục, các doanh nghiệp và các chuyên gia trong – ngoài nước báo động từ nhiều thập kỷ trước. Những kiến thức mà sinh viên được trang bị trong quá trình học tập là điều kiện cần, tuy nhiên vẫn chưa phải là điều kiện đủ để làm hành trang cho sinh viên có thể tìm kiếm những công việc như mong muốn. Hoạt động đào tạo kỹ năng mềm được diễn ra khá phổ biến trong các trường đại học hiện nay, và là chuẩn đầu ra cần phải có đối với mỗi sinh viên khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động đào tạo này ở mỗi trường đều khác nhau. Mục đích của nghiên cứu này là thông qua kinh nghiệm đào tạo kỹ năng mềm tại một số trường đại học, từ đó, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp cơ bản để tích hợp kỹ năng mềm vào các môn học chính trong quá trình giảng dạy chuyên môn.

Từ khóa: đào tạo kỹ năng mềm, kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng mềm, lồng ghép kỹ năng mềm.

Abstract – Preparing soft skills for students has been being a matter of great concern to both society and the education industry. Soft skills are an essential factor for the success and happiness of each individual. Many decades ago, the weakness of soft skills of Vietnamese students have been warned by educational organizations, businesses and domestic and foreign experts. Although knowledge that is considered as a necessary condition during the learning process; it is still not a sufficient condition for students who want to get a desired job. Nowadays, soft skills training activities are quite popular in almost universities and it is one of requirements for student's graduation. However, these training activities are different in each university. In this study, from the practical experience in training soft skills of other universities, the authors recommend some basic solutions for integrating soft skills into main subjects in the specialized knowledge teaching process.

Keywords: training soft skills, practical experience, soft skills, integrating soft skills

¹Khoa Quản lý Nhà nước, Quản trị văn phòng và Du lịch, Trường Đại học Trà Vinh

²Khoa Nông nghiệp - Thủy sản, Trường Đại học Trà Vinh
Email: tthanhl1269@tvu.edu.vn

¹School of Public Management, Office Administration and Tourism, Tra Vinh University

²School of Agriculture and Aquaculture, Tra Vinh University

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kiến thức chuyên ngành mà các trường đại học cung cấp cho sinh viên trong quá trình học tập là yếu tố quyết định giúp sinh viên có thể lập nghiệp trong tương lai. Tuy nhiên, thế giới đang biến thành một sân chơi toàn cầu, nhịp cư lao động chuyên nghiệp gia tăng, tri thức xã hội trở nên phong phú hơn, công nghệ cho phép các doanh nghiệp thu thập và chia sẻ thông tin nhanh hơn – minh bạch hơn, thế giới công việc trở nên tinh vi hơn và đòi hỏi khắc khe hơn bao giờ hết.

Việt Nam đã và đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tích cực và sẵn sàng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, điều đó đã tạo ra sự thay đổi nhanh chóng và không ngừng trên tất cả mọi mặt của đời sống kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, mọi sự thành công đều phải xuất phát từ yếu tố con người, điều đó đòi hỏi phải có nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu trong thời đại mới. Để thực hiện sứ mệnh này, giáo dục – đào tạo nói chung đóng vai trò quan trọng hàng đầu. Ngoài các nguồn lực và bí quyết kinh doanh, điều làm cho các doanh nghiệp thành công hay không thành công là mức độ mà cá nhân có thể hoặc không có thể làm việc cùng nhau cho một mục tiêu chung. Các vấn đề như tình cảm, văn hóa ứng xử, phong cách làm việc, khả năng quản lý thời gian, làm việc nhóm, kỹ năng đàm phán, khả năng giải quyết xung đột, kỹ năng nói chuyện trước công chúng,... không chỉ dành cho lãnh đạo mà còn được rất nhiều nhà tuyển dụng xem trọng và đánh giá rất cao khi tuyển chọn cho mình một nhân viên mới. Kỹ năng giao tiếp, thường được gọi là kỹ năng mềm, bao gồm giao tiếp, lắng nghe, giải quyết vấn đề, quan hệ đa văn hóa và dịch vụ khách hàng [1]. Một số nghiên cứu đã được thực hiện để cung cấp sự tin cậy về tầm quan trọng của các kỹ năng liên quan đến cá nhân và cần thiết trong kinh doanh [2], [3], [4], [5]. Từ những nghiên cứu này, các kỹ năng mềm nổi lên như là ngành kinh doanh và kỹ năng hàng đầu tìm kiếm trong các ứng cử viên.

Những nhà tuyển dụng lao động cũng như người sử dụng lao động coi trọng các kỹ năng mềm vì đây là một trong những nhân tố đánh giá con người rất hiệu quả bên cạnh các kỹ năng cứng. Người có kỹ năng mềm sẽ dẫn dắt được

những người khác theo cùng một hướng để đạt một mục đích chung. Kỹ năng mềm còn được xem là hành trang không thể thiếu của sinh viên để phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

Ngày nay, sinh viên sau khi tốt nghiệp mặc dù được nhà trường trang bị khá kỹ lưỡng kiến thức chuyên môn nhưng vẫn còn khiếm khuyết, đó là nhiều sinh viên rất thiếu và yếu các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc. Khiếm khuyết về kỹ năng mềm của nhiều sinh viên hiện nay đã trở thành một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng thất nghiệp hoặc không tìm được việc làm đúng chuyên môn đào tạo. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng này là do nhiều trường đại học chưa quan tâm đúng mức đến công tác phát triển đội ngũ giảng viên chuyên đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên. Việc trang bị phương pháp để giảng viên tích hợp/lồng ghép đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên ngay trong quá trình giảng dạy chuyên môn đang là vấn đề cần thiết trước yêu cầu của thực tiễn hiện nay.

Nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu về kỹ năng mềm và việc giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên. Trong những năm gần đây, giáo dục kỹ năng mềm được các trường tích cực đưa vào bằng nhiều hình thức khác nhau như đưa kỹ năng mềm thành một môn học riêng, giảng dạy chính khóa với thời lượng số tiết nhất định; tổ chức các buổi học ngoại khóa, các buổi nói chuyện cùng chuyên gia, các hoạt động mang tính chất tập thể để giáo dục kỹ năng mềm; tích hợp giáo dục kỹ năng mềm trong các môn học. Ba hình thức giáo dục này có những đặc điểm, ưu thế riêng trong việc hình thành và rèn luyện kỹ năng mềm cho các em sinh viên. Trong đó, việc tích hợp giáo dục kỹ năng mềm trong các môn học chính là tận dụng đặc điểm của các môn học để giáo dục các kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên và đây là xu hướng được nhiều nhà giáo dục quan tâm và ứng dụng.

II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

A. Khái niệm

Ngày nay, trình độ học vấn và các bằng cấp chưa đủ để quyết định trong việc tuyển dụng lao động của nhiều doanh nghiệp và người sử dụng

lao động. Họ còn căn cứ vào yếu tố cá nhân như kỹ năng, sự nhạy bén trong xử lý công việc và giao tiếp của mỗi người lao động, các yếu tố này được gọi là "kỹ năng mềm". Có nhiều khái niệm và cách hiểu về kỹ năng mềm, nhưng về cơ bản, các kỹ năng mềm đề cập đến tính cách, thuộc tính, phẩm chất và hành vi cá nhân của cá nhân. Kỹ năng mềm bao gồm các khả năng nhất định như giao tiếp, giải quyết vấn đề, tự tạo động lực, ra quyết định và kỹ năng quản lý thời gian [6]. Hay theo Perreault, khái niệm "kỹ năng mềm" nhằm nhấn mạnh phẩm chất cá nhân, thuộc tính và kỹ năng giao tiếp của cá nhân để cho phép người đó thông báo và định hình một cách hiệu quả những ý tưởng thô sơ của người khác vào các tình huống cụ thể và thực tế [7].

Bernd Schulz đã bàn về khái niệm kỹ năng mềm và tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống sinh viên cả trong lẫn ngoài trường học. Đó là cách mà các kỹ năng mềm bổ sung cho các kỹ năng cứng, hay còn gọi là các yêu cầu chuyên môn của công việc mà sinh viên được đào tạo để thực hiện [8].

"Kỹ năng mềm" được coi là "kỹ năng chuyển giao" bổ sung "kỹ năng cứng" hay "kỹ năng học thuật" phục vụ các yêu cầu kỹ thuật của một công việc cụ thể [9]. Một nghiên cứu của Hodges và Burchell đã điều tra nhận thức của các nhà tuyển dụng doanh nghiệp về tầm quan trọng của các kỹ năng khác nhau [10]. Nó đã được báo cáo rằng tám trong số mười kỹ năng hàng đầu là kỹ năng mềm bao gồm khả năng và sẵn sàng học hỏi, làm việc nhóm và hợp tác, giao tiếp giữa các cá nhân, năng lượng và niềm đam mê và kỹ năng giải quyết vấn đề. Một nghiên cứu bao gồm hơn 52 ngành nghề khác nhau với hơn 8.000 nhà quản lý tại Hoa Kỳ đã xác định các kỹ năng mềm của nhân viên là năng lực chính trong gần như tất cả ngành nghề, ngay cả trong môi trường kỹ thuật [11].

B. Tầm quan trọng của kỹ năng mềm

Câu trả lời cho lý do tại sao kỹ năng mềm được coi là rất quan trọng vẫn còn bỏ ngỏ. Có rất nhiều lý do để có cái nhìn phê phán về vấn đề này. Một lý do đơn giản là ngày nay thị trường việc làm trong nhiều lĩnh vực đang ngày càng cạnh tranh, tác

động mạnh đến từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0). Để thành công trong môi trường khắc nghiệt này, các ứng cử viên phải mang theo một cạnh tranh trực tiếp, phân biệt họ với các ứng cử viên khác có trình độ tương tự. Có thể hiểu, các nhà tuyển dụng thích nhận các ứng cử viên có năng suất từ giai đoạn rất sớm. Nếu một sinh viên tốt nghiệp đại học chỉ mang theo mình những kiến thức về chuyên môn thì không thể đáp ứng nhu cầu của một nhà tuyển dụng.

Kỹ năng mềm là một yếu tố quan trọng để nhà tuyển dụng xem xét khi lựa chọn ứng viên. Trên thực tế, các kỹ năng mềm là rất quan trọng và được xếp hạng là yếu tố quan trọng nhất cho việc tuyển dụng tiềm năng trong nhiều ngành nghề [12].

S. Mangala Ethaiya Rani cho rằng kỹ năng mềm được biết đến với tên gọi khác là "trí thông minh cảm xúc", đóng góp 85% thành công của một cá nhân và khẳng định kỹ năng mềm sẽ giúp sinh viên tăng cơ hội việc làm của họ và đối mặt với những thách thức ở thời điểm hiện tại. Bên cạnh đó, tác giả cũng đưa ra nhận định kỹ năng mềm sẽ giúp phát triển tiềm năng con người và việc đào tạo kỹ năng mềm bao gồm việc giảng dạy, đóng vai, hỏi đáp và rất nhiều khóa học cần sự tham gia khác. Trong đó, trọng tâm của việc học là hành động [13].

James và James khẳng định rằng các kỹ năng mềm đang trở nên vô cùng quan trọng đối với các nhà tuyển dụng [14]. Nhiều nhà nghiên cứu đồng ý rằng người sử dụng lao động thế kỷ 21 tìm kiếm các kỹ năng mềm trong các nhân viên tiềm năng. Một số kỹ năng này bao gồm giao tiếp hiệu quả, trung thực, khả năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, sáng kiến, đạo đức làm việc, tư duy sáng tạo, lòng tự trọng, khả năng lãnh đạo và nghi thức kinh doanh cơ bản [15], [16].

III. KINH NGHIỆM ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC

A. Kinh nghiệm giảng dạy kỹ năng mềm tại một số trường đại học

1) *Viện Nghiên cứu Đại học Malaysia:* Theo Roselina Shakir, Viện Nghiên cứu Đại học Malaysia đã phát triển một chương trình khung đề xuất phương pháp tiếp cận cần được thực hiện

trong việc đào tạo các kỹ năng mềm. Việc thực hiện được tiến hành ở cấp Khoa, thay đổi theo từng Khoa phụ thuộc vào loại khóa học cung cấp. Viện đề nghị các trường đại học của Malaysia thực hiện chương trình khung được cấp như Hình 1, những trường đại học này cũng được phép thay đổi và bổ sung trong các khía cạnh thực hiện [17].

Kỹ năng mềm cũng có thể được phát triển một cách gián tiếp thông qua các chương trình hỗ trợ như các hoạt động không nằm trong chương trình chính thức. Các hoạt động này tuy không chính thức, nhưng gián tiếp hỗ trợ các sinh viên trong việc phát triển nhân cách của họ. Những chương trình này cho phép sinh viên khám phá sở thích của họ thông qua việc bồi dưỡng bằng cách đăng ký trong các chương trình ngoại khóa và các hoạt động ngoại khóa có phản ánh sở thích của họ. Các Khoa cũng có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao kỹ năng mềm giữa các sinh viên với các hoạt động chính thức như tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị. Mặc dù những hoạt động này sẽ có hiệu quả lớn cho những sinh viên tham gia, nhưng một số sinh viên ít hoạt động vẫn có thể cần hỗ trợ. Trong một cách tiếp cận chính thức hơn, các Khoa có thể tổ chức các hoạt động trong các ngày cuối tuần như thăm nhà tạm trú của những người vô gia cư, các trò chơi giữa các Khoa... Các hoạt động ở Khoa không phải là việc của người đứng đầu các trường đại học, các hoạt động chính thức ở cấp Khoa có thể liên quan đến tất cả sinh viên bất kể là họ cư trú ở ký túc xá hay không.

Phát triển kỹ năng mềm dựa trên dạy và học chính khóa: Kỹ năng mềm cũng có thể được giới thiệu tại Viện Nghiên cứu Đại học bằng cách tích hợp chúng trong khóa học hiện có. Đây có lẽ là một cách thiết thực nhất trong việc khắc ghi kỹ năng mềm cho sinh viên, trong khi hầu như không cần thay đổi hoặc thay đổi rất ít cấu trúc khóa học hiện tại. Trong mô hình này, sinh viên phát triển kỹ năng mềm trong suốt toàn bộ thời gian khóa học của họ, có thể chỉ là một số kỹ năng nếu không phải tất cả kỹ năng được tích hợp trong những môn học được dạy. Tuy nhiên, nhiệm vụ của các Khoa là xác định những môn học nào có thể được gắn với nhiều hoặc ít các yếu

tố kỹ năng mềm. Như vậy, các giáo viên nên được tham gia sâu vào các khía cạnh thực hiện, trong khi sinh viên cần được thông báo về những khía cạnh gì họ sẽ được đánh giá và đánh giá như thế nào. Vì giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện và đánh giá các khía cạnh, nên họ phải sáng tạo trong việc thiết kế các module giảng dạy của mình để kết hợp các kỹ năng liên quan. Phong cách giảng dạy nên lấy sinh viên làm trung tâm, nơi sinh viên sẽ tham gia tích cực vào quá trình học tập, trong khi giáo viên đảm nhiệm vai trò như một người trợ giúp. Các Khoa có thể cung cấp những môn học độc lập mà sẽ tạo cho sinh viên cơ hội phát triển kỹ năng mềm trên một nền tảng chính thức. Hay trước khi kết thúc học kỳ, mỗi bộ môn trong Khoa nên xác định những sinh viên nào còn thiếu kỹ năng mềm để đăng ký một khóa học chính thức “hoàn thiện kỹ năng mềm trong trường học” được cung cấp bởi Khoa. Khóa học kỹ năng mềm có thể được thực hiện bởi các giảng viên chuyên nghiệp hoặc các giảng viên được đào tạo. Sự tiến bộ của những sinh viên này sau đó có thể được theo dõi trong học kỳ tiếp theo và nếu họ không đạt được mức độ kỹ năng mềm cụ thể thì sẽ được yêu cầu ghi danh vào khóa “hoàn thiện kỹ năng mềm” tiếp theo.

Phát triển kỹ năng mềm dựa trên cuộc sống trong môi trường đại học: Một số lượng đáng kể sinh viên sinh sống trong các ký túc xá đại học. Người đứng đầu các trường đại học có thể nhân cơ hội này lên kế hoạch các hoạt động liên quan đến sự tham gia của tất cả sinh viên sống trong ký túc xá. Các hoạt động như ngày hội thể thao, hội chợ từ thiện và các cuộc thi ca hát nhằm tăng sự tương tác xã hội giữa các sinh viên. Phẩm chất lãnh đạo, làm việc nhóm, và khả năng làm chủ doanh nghiệp của sinh viên có thể được nuôi dưỡng thông qua các hoạt động như vậy. Những hoạt động chính thức nên được lên kế hoạch cẩn thận và thực hiện liên tục trong suốt học kỳ, và để cải thiện khả năng làm việc theo nhóm nên bao gồm tất cả dân tộc và giới tính.

2) *Tại Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu:*
Theo Anna Le, Anh Le, Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu (BVU) là trường đại học đầu tiên tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và là một trong số ít các

Hình 1: Mô hình cho việc thực hiện đào tạo kỹ năng mềm tại Viện Nghiên cứu Đại học Malaysia
(Nguồn: <http://daihocpccc.edu.vn>)

trường đại học tại Việt Nam chính thức đưa kỹ năng mềm (KNM) vào chuẩn đầu ra đối với sinh viên bậc đại học hệ chính quy kể từ năm học 2016 – 2017. Cũng trong năm học 2016 – 2017, BVU đã thành lập Trung tâm Đào tạo Đại cương – Phát triển Kỹ năng mềm để quản lý và phát triển các học phần KNM bên cạnh các học phần đào tạo đại cương. Ngày 15/8/2018, BVU chính thức quyết định thành lập Trung tâm Phát triển KNM (tách ra từ trung tâm tiền thân) với tên gọi tắt là SDC (Soft Skills Development Center). Với sự quyết tâm của lãnh đạo về phát triển KNM cho sinh viên, BVU bước đầu đã cho thấy sự ưu việt, hữu ích đối với chương trình đào tạo chung được sinh viên, các nhà tuyển dụng ủng hộ và đánh giá cao [18].

Chương trình KNM được SDC thiết kế linh hoạt, gắn với thực tiễn theo hướng quốc tế hóa; giúp sinh viên từ năm đầu đã sớm xác định được

mục tiêu, động lực học tập đúng đắn, phù hợp; nâng cao kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống; biết cách giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập và các lĩnh vực khác của cuộc sống; giúp sinh viên tự tin chuẩn bị sơ yếu lý lịch (Curriculum Vitae – CV) ấn tượng và trả lời phỏng vấn tìm việc hiệu quả ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Phương pháp giảng dạy chính các học phần KNM tại BVU (chiếm gần 80% thời lượng) là phương pháp giảng dạy tích cực: PELa (Play – Experiment – Learn actively). Thông qua phương pháp PELa, tất cả các nội dung được truyền đạt một cách sinh động, thực tế và hiệu quả từ đó làm tăng tính hiệu quả trong giảng dạy và tiếp thu chủ động của người học. Với phương châm: Trong mỗi tiết học "Vui vẻ – Cởi mở – Chân thành – Hiệu quả", sau mỗi tiết học là: "Thấu hiểu – Áp dụng".

Đội ngũ giảng viên KNM được SDC tuyển

chọn phù hợp theo phương châm "1:1" với ý nghĩa: giảng viên có kỹ năng mới chia sẻ/giảng dạy kỹ năng". Thí dụ: Giảng viên có khả năng thuyết trình hiệu quả, truyền cảm hứng mới giảng dạy kỹ năng thuyết trình. Do đó, SDC luôn ưu tiên giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn giảng dạy các chuyên đề phù hợp; mỗi lớp học KNM thường gồm một giảng viên và một phụ giảng – TA (có thể là giảng viên hoặc sinh viên). Các giảng viên KNM đều rất chủ động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm và có ý thức cao trong việc học tập, rèn luyện, phát triển bản thân. Phương châm: "Mỗi giảng viên giảng dạy là minh chứng sống cho sinh viên về các nội dung giảng dạy".

Để đảm bảo cơ hội trải nghiệm và thực hành KNM cho mỗi sinh viên, BVU thực hiện việc đảm bảo số lượng sinh viên mỗi lớp giới hạn từ 30 – 40 học viên. Ngoài ra, các khóa học KNM chuyên sâu, số lượng học viên/sinh viên chỉ giới hạn từ 10 – 20 học viên/ lớp. Việc giảng dạy KNM theo phương pháp PELa, bên cạnh số lượng sinh viên/lớp và thời lượng phù hợp, còn đòi hỏi không gian phòng học rộng rãi, sáng tạo, bàn ghế linh hoạt.

Hình 2: Phòng học dành riêng cho việc giảng dạy KNM tại BVU

(Nguồn: <http://bvu.edu.vn>)

Việc học tập, rèn luyện KNM là một quá trình liên tục, lâu dài, đòi hỏi sinh viên/học viên không ngừng thực hành, trải nghiệm để hoàn thiện KNM, phát triển bản thân sau mỗi khóa học KNM. Do đó, SDC xây dựng các kênh kết

Hình 3: Một buổi follow – up sau khóa học Tư duy tích cực – Tự tạo động lực

(Nguồn: <http://bvu.edu.vn>)

Hình 4: Một buổi follow – up sau khóa học Tư duy tích cực – Tự tạo động lực (tt)

(Nguồn: <http://bvu.edu.vn>)

nối, nhóm học viên theo từng khóa học, từ đó có các hoạt động theo dõi (follow – up) phù hợp như: chia sẻ bài viết, thông tin hữu ích, chương trình phát triển KNM, offline (ấn, không trực tuyến) trao đổi kinh nghiệm thực hành thực tế ... nhằm hỗ trợ, tư vấn lâu dài cho học viên trong quá trình ứng dụng các kỹ năng vào thực tế. Bên cạnh đó, BVU cũng thường xuyên tổ chức nhiều chương trình ngoại khóa, giao lưu tại doanh nghiệp, tọa đàm, ngày hội việc làm, ... để sinh viên có cơ hội tham dự, học tập, trải nghiệm, từ đó hình thành môi trường văn hóa học đường BVU, tăng cơ hội

rèn luyện KNM trong quá trình sinh viên tiếp tục học các học phần khác sau khi kết thúc học phần KNM theo chương trình.

3) *Đại học Quốc gia Hà Nội*: Theo Hương Giang, chương trình đào tạo KNM bắt buộc do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) phê duyệt và giao cho Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên là đơn vị đầu mối phối hợp với Công ty GK Corporation triển khai. ĐHQGHN không chỉ đào tạo cho sinh viên những kiến thức chuyên môn, mà còn giúp các em phát triển toàn diện thông qua những chương trình đào tạo KNM, từ đó trang bị cho các em hành trang vững chắc vào đời. Theo ông Đào Văn Hải – Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên, đào tạo KNM là yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên thuộc hệ đào tạo đặc biệt (chất lượng cao, tài năng, chương trình tiên tiến, trình độ quốc tế) bắt đầu thực hiện từ năm học 2009 – 2010. Phương thức giảng dạy và học tập theo hình thức online kết hợp với hướng dẫn trực tiếp có ít nhất 03 buổi cho mỗi khoá. Chứng chỉ KNM là một trong các điều kiện để công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên hệ đào tạo này. Cũng theo ông Hải, tất cả đối tượng sinh viên hệ đào tạo đặc biệt được hỗ trợ kinh phí đào tạo KNM trong số 05 kỹ năng tự chọn. Nếu sinh viên có nguyện vọng học thêm từ kỹ năng thứ 6 trở lên (đăng ký qua Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên) sẽ được giảm 50% kinh phí đào tạo. Các đối tượng học sinh, sinh viên khác của ĐHQGHN không thuộc đối tượng trên có nhu cầu học KNM (đăng ký học qua Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên) cũng sẽ được GK miễn giảm 50% kinh phí [19].

4) *Học viện Nông nghiệp Việt Nam*: Để tăng chất lượng chuẩn đầu ra cho sinh viên đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động trong tương lai, chương trình đào tạo KNM được Học viện Nông nghiệp Việt Nam giảng dạy từ học kì 2, năm học 2016 – 2017 gồm 06 kỹ năng chính: giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý bản thân, tìm kiếm việc làm, lãnh đạo, hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo KNM đã thu hút được đông đảo sinh viên đăng ký học vì tính thiết thực mà nó mang lại. Với phương pháp giảng dạy hiện đại: học đi đôi với hành, sinh viên trải nghiệm những kỹ năng ngay trên lớp học, được

tương tác với giảng viên giàu kinh nghiệm chuyên môn cũng như vận hành kỹ năng trong cuộc sống. Trong từng kỹ năng, sinh viên còn được gặp gỡ, chia sẻ, trao đổi với các diễn giả là doanh nhân thành đạt hay các chuyên gia đào tạo KNM hàng đầu của Việt Nam.

5) *Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM – UEF*: Tại UEF, những KNM và nghề nghiệp được lồng ghép khéo léo, linh hoạt vào chương trình học chính khóa cũng như các hoạt động ngoại khóa tích cực khác nhằm giúp sinh viên phát triển toàn diện. Ngay trong chương trình học chuyên môn, các em được trau dồi nhiều KNM: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng quản lý thời gian...

Nhằm giúp các em hoàn thiện bản thân, tự tin làm chủ nghề nghiệp trong môi trường đa văn hóa, UEF còn xây dựng nhiều chương trình kỹ năng nghề nghiệp tích cực để sinh viên có thể lựa chọn gồm: kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giải quyết tình huống, kỹ năng thiết lập quan hệ xã hội, kỹ năng xây dựng thương hiệu cá nhân...

Nắm chắc và vận dụng tốt các kỹ năng này trong thực tiễn sẽ phục vụ thiết thực cho các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên, giúp các em thực hiện hiệu quả các bài thuyết trình, tranh luận, tiểu luận, luận văn tốt nghiệp... Với các ngành nghề đặc thù tại UEF như quản trị kinh doanh, kế toán, marketing, quan hệ công chúng, việc trang bị KNM là chìa khóa quan trọng để đem lại thành công trong sự nghiệp, nhất là trong xã hội hiện đại, khi mà sự cạnh tranh đang ngày càng trở nên gay gắt và khốc liệt trên mọi lĩnh vực.

B. Những khó khăn trong hoạt động đào tạo kỹ năng mềm

Sở với kỹ năng cứng, sinh viên học các KNM thường bị ảnh hưởng bởi chính những trải nghiệm trước đó của sinh viên, khó khăn trong việc xác định hiệu quả đạt được và mức độ khả năng ứng dụng trong thực tiễn. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo KNM phần lớn không đảm bảo, các đơn vị đào tạo chủ yếu tận dụng các phòng học bình thường để giảng dạy mà không có phòng học hay trang thiết bị đặc thù riêng cho việc đào tạo này. Số lượng sinh viên

trên mỗi lớp học thường đông. Ngoài ra, sinh viên thường không tự nhận thức mức độ thành thạo kỹ năng của mình. Vấn đề dễ nhận thấy nhất là, kỹ năng cứng là đào tạo kỹ thuật, trong khi đó KNM là tập trung vào cá nhân. Kể đến là phương pháp đào tạo kỹ năng cứng và KNM khác nhau. Tiếp theo là sự nhuần nhuyễn các kỹ năng về kỹ thuật không đủ tạo nên thành công dù thuần túy trong các lĩnh vực chuyên môn mà cần có sự thành thạo các KNM. Và việc đào tạo kỹ năng cứng thường thống nhất giữa các trường đại học hay các đơn vị đào tạo, còn việc đào tạo KNM có rất nhiều cách khác nhau. Các nhà nghiên cứu đều cho rằng đào tạo kỹ năng cứng dễ dàng hơn đào tạo KNM [20], [21].

Diễn hình chương trình giáo dục KNM của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được đánh giá vẫn chưa thực sự phù hợp với yêu cầu công việc tương lai của sinh viên [22]. Nguyên nhân của vấn đề này là do chương trình giáo dục KNM chính thống chưa được chú trọng, chỉ chiếm tỉ lệ không đáng kể trong toàn bộ chương trình đào tạo, chủ yếu tập trung vào kỹ năng giao tiếp. Vì vậy, đa số cán bộ quản lý, giảng viên đều đánh giá chương trình giáo dục KNM hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu xã hội. Có hai nguyên nhân dẫn đến việc chỉ có kỹ năng giao tiếp trong chương trình giáo dục KNM chính thống là: chương trình đào tạo các học phần khác quá nặng và kỹ năng giao tiếp được cho là là kỹ năng cần thiết nhất đối với sinh viên bậc đại học ngành Sư phạm nói chung.

Ở nhiều nước trên thế giới, KNM được đưa vào dạy ngay từ bậc phổ thông trong các chương trình giáo dục hướng nghiệp. Mitchell G.W. tìm hiểu mức độ nhận thức của những người dạy kinh doanh/marketing (từ lớp 6 đến lớp 12) về tầm quan trọng của những KNM cần thiết cho sự thành công của người lao động ở thế kỷ 21 và việc tích hợp những KNM vào quá trình giảng dạy ở bang Alabama, Hoa Kỳ. 11 kỹ năng mềm được đưa vào khảo sát, mỗi kỹ năng được yêu cầu đánh giá các mức độ từ cực kỳ quan trọng đến không quan trọng. Kết quả mỗi kỹ năng trong số 11 kỹ năng có điểm trung bình $\geq 4,95$, chỉ ra rằng những người giảng dạy kinh doanh/marketing ở Alabama nhận thức rằng tất cả 11 kỹ năng này

là rất quan trọng. Hầu hết những người tham gia (77,9%) phát biểu rằng họ đã đưa kỹ năng giao tiếp chung vào hoạt động hàng ngày của lớp học, nhiều người được khảo sát (66,4%) đã đưa kỹ năng tổ chức/quản lý thời gian vào hoạt động giảng dạy hàng ngày, trong khi 63,4% đã đưa kỹ năng giao tiếp bằng lời, 52,3% đã đưa kỹ năng giao tiếp viết vào hoạt động giảng dạy hàng ngày [23]. Còn ở Việt Nam, KNM cũng đã được đưa vào các trường học bậc phổ thông dưới tên gọi “kỹ năng sống”. Ở bậc đại học, KNM cũng đã được đưa vào giảng dạy của nhiều trường và thậm chí là chuẩn đầu ra cho sinh viên. Nhưng tất cả các trường đều có những quy định riêng và phương pháp giảng dạy riêng. Từ đó, chúng ta thấy việc đánh giá đúng về hiệu quả của công tác giảng dạy KNM rất khó và thậm chí không đánh giá được chất lượng.

Phương pháp giảng dạy các môn liên quan đến KNM tuy đã được các thầy, cô quan tâm đổi mới nhưng cũng chưa thực sự phong phú, tạo hứng thú cho sinh viên. Sự khác biệt về kiến thức giữa học chuyên ngành và không chuyên ngành là rất ít. Chính vì vậy, sinh viên luôn cảm thấy bị loãng vì quá nhiều kiến thức, kết quả là chỉ nghe giảng đã hết thời gian nên không được trao đổi và thực hành nhiều, thậm chí người dạy cũng cảm thấy lúng túng để tìm ra phương pháp dạy phù hợp. Chưa kể đến việc giáo viên dạy KNM nhưng vẫn còn “yếu” về KNM mà họ đang phụ trách.

Nghiên cứu chỉ ra thách thức đầu tiên là thái độ của sinh viên, có 38% người được hỏi trả lời rằng khi tích hợp KNM trong môn học thì sinh viên đã không nhận thức được tầm quan trọng của KNM. Sinh viên rất ít chú tâm đến những bài học kết hợp với KNM, sinh viên có xu hướng đơn giản hóa, chỉ dựa vào bài giảng, không có sự nỗ lực tìm kiếm nào thêm. Thách thức thứ hai là hạn chế về thời gian, nhiều giảng viên cho rằng việc tích hợp KNM sẽ mất nhiều thời gian quý báu của họ mà lẽ ra có thể sử dụng để giảng dạy các chủ đề quan trọng khác. Thứ ba là số lượng lớn sinh viên trong một lớp học làm cho giảng viên không thể chú ý đến tất cả sinh viên [24].

IV. CÁC GIẢI PHÁP VỀ TÍCH HỢP KỸ NĂNG MỀM TRONG GIẢNG DẠY CHUYÊN MÔN

Tích hợp KNM không có nghĩa là phải cho thêm một chủ đề vào bài giảng hoặc kéo dài thêm hoạt động giảng dạy. Các KNM chỉ có thể được nhấn chìm vào trong các nhiệm vụ của bài học. Rõ ràng là để tích hợp được KNM vào hoạt động giảng dạy, giảng viên phải sáng tạo và chủ động trong phương pháp. Họ cũng phải luôn theo sát được các bước tiến mới nhất trong phương pháp giảng dạy chứ không chỉ là những kiến thức chuyên môn mới nhất. Có nhiều cách thức và phương pháp khác nhau để tích hợp KNM vào trong giảng dạy chuyên môn. Chynette Naely ở Trường Đại học Houston – Downtown đã thử tích hợp KNM thông qua dạy học kiểu dự án trong lớp học về quản trị, các kỹ năng mà tác giả hướng đến là: giao tiếp, thuyết trình, tự khẳng định, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm,... [25]. Để có thể khắc phục những khó khăn trong việc đào tạo KNM và thực hiện tốt việc tích hợp KNM vào trong giảng dạy chuyên môn, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau đây:

A. Đối với hoạt động quản lý đào tạo

- Thành lập Trung tâm chuyên Đào tạo và Phát triển Kỹ năng mềm để quản lý và phát triển các học phần KNM bên cạnh các học phần đào tạo đại cương và chuyên môn.

- Cần trang bị cơ sở vật chất đầy đủ đảm bảo môi trường dạy và học đạt hiệu quả tốt, từ việc nâng cấp phòng học, các dụng cụ phục vụ học tập đến việc nâng cấp đường truyền Internet để có thể khai thác thông tin qua mạng ngay trong khi giảng dạy nếu có vấn đề cần làm rõ; phong phú hóa các đầu sách tham khảo liên quan đến KNM trong thư viện và có tính cập nhật hơn, phù hợp với từng ngành nghề.

- Sắp xếp số lượng sinh viên trong một lớp để đảm bảo về thời gian và khả năng bao quát của giáo viên. Khắc phục hiện tượng tâm lý của sinh viên lợi dụng lớp đông mà trà trộn đi muộn, về sớm, nghỉ học, nói chuyện, làm việc riêng trong giờ học, học cho qua môn, học theo kiểu đối phó,... KNM là một trong những môn học giúp

người học nhận ra và phát triển tính sáng tạo, chủ động trong quá trình học. Do đó, lớp học KNM nên áp dụng theo mô hình cá thể hóa, sĩ số lớp học ít để phát huy thế mạnh của mỗi học sinh trong quá trình học, giúp quá trình tiếp thu và ứng dụng kiến thức dễ dàng hơn.

- Bảng điểm phải có cột tính điểm về thái độ và cột tính điểm cho KNM của sinh viên ngoài cột điểm kiểm tra và điểm thi chỉ đánh giá đơn thuần về kiến thức – kỹ năng cứng của sinh viên.

B. Đối với hoạt động giảng dạy

- Các giảng viên giảng dạy các môn học liên quan đến KNM cần chú ý và khai thác mạnh mẽ hơn nữa ngôn ngữ không lời cũng như ngôn ngữ của cơ thể trong quá trình giảng dạy nhằm làm cho tiết học trở nên sinh động hơn. Đặc biệt, nếu có ngoại hình ưa nhìn, cách ăn mặc, nói năng lịch sự và có thể thể hiện được cá tính, sự năng động, thông minh qua phong cách thì rất tốt.

- Trong quá trình giảng dạy, môn học nào có ít nhất hai giảng viên cùng đảm nhiệm thì có thể kết hợp hai người cùng dạy một lớp sẽ rất tốt. Điều đó sẽ tạo ra một điều mới lạ cho sinh viên và hai giảng viên có thể trợ giúp, thay đổi cho nhau trong khi giảng. Như vậy, thầy không bị mệt và trò cũng không chán vì sự đổi mới liên tục. Cách này hơi khó vì ở Việt Nam chưa có kiểu dạy kết hợp đó, ngoài ra còn cần sự phân công, dàn dựng rất công phu của hai giảng viên cũng như sự kết hợp ăn ý giữa hai người.

- Một trong những phương pháp giảng dạy tích cực là khuyến khích người học phát biểu ý kiến và quan điểm của mình một cách nghiêm túc, hạn chế tâm lý e sợ trong sinh viên. Thái độ bất lỏi khi người khác mắc sai lầm, thậm chí là phê bình nặng nề làm cho người học sợ sai, ngại nói ra ý kiến, quan điểm của mình và nguy hiểm hơn nó sẽ trói buộc sự sáng tạo của người học. Cho nên, khi nhận xét sinh viên, người thầy nên tránh sử dụng những từ ngữ có ý phê bình một cách rõ ràng và nên đứng ở góc độ sinh viên để hiểu họ và làm cho họ hiểu, qua đó giúp sinh viên đi đúng hướng vấn đề đang trao đổi. Tất nhiên vẫn có những sinh viên cá biệt, cứng đầu hoặc có thái độ không tốt đòi hỏi người thầy phải biết kiềm chế và kiên trì hơn trong quá trình giảng dạy. Để

phá vỡ lối tư duy thụ động đã hình thành từ nhỏ của học sinh, giáo viên cần cố gắng và kiên trì trong một thời gian đủ lâu, đồng thời cần phải có sự đồng thuận và phối hợp từ gia đình trong việc đào tạo KNM cho các em

- Không như những môn học khác, những môn học liên quan đến KNM bị ảnh hưởng rất mạnh mẽ bởi tâm trạng, cả tâm trạng của người dạy cũng như người học. Vì vậy, điều này đòi hỏi người dạy phải thực sự khỏe mạnh, tâm trạng vui vẻ, nhiệt huyết trong quá trình giảng dạy và có một phong cách giảng dạy nhiệt huyết lôi cuốn được sinh viên tham gia một cách sôi nổi và nhiệt tình. Nói chung, mọi phương pháp giảng dạy đều nhằm mục đích khơi dậy tinh thần học và tự học của sinh viên.

- Sử dụng các công cụ hỗ trợ giảng dạy như Power Point, Video clip, Internet,... để truyền đạt kiến thức sinh động, phong phú hơn, thay vì chỉ có phấn trắng, bảng đen và thuyết trình đơn điệu. Có kiến thức lí luận và các tình huống thực tế tương đối rộng và phong phú cùng với cách diễn đạt dễ hiểu, vui nhộn, hấp dẫn nhằm cuốn hút người học tham gia, kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau và đặc biệt chú ý dạy học dựa trên vấn đề cũng như các phương pháp giảng dạy tích cực khác nhằm phát huy tính chủ động của sinh viên.

V. KẾT LUẬN

Thế hệ học sinh hiện nay rất năng động và thích nghi tốt, tuy nhiên, một trong những yếu tố dẫn đến thất bại trong đào tạo KNM ở trường học vì xem đây là một môn học ngắn hạn. Trong thực tế, KNM chủ yếu là những kỹ năng thuộc về tính cách con người, do đó cần luyện tập hàng ngày qua những bài học từ thực tế cuộc sống, giúp quá trình tiếp thu của người học dễ dàng và sáng tạo hơn. Đa số các chương trình KNM giảng dạy thiên về lí thuyết, chưa chú trọng nhiều đến thực hành. Trong khi trẻ em thường thích học chương trình có phối hợp với hoạt động vui chơi, thực hành, vận động. Do vậy, phần thực hành nên được thiết kế theo năng lực từng độ tuổi và tâm lí của người học. Không chú trọng phát triển tư duy sáng tạo của học sinh cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc đào tạo

kỹ năng mềm. Để thực hiện được điều này, cần có sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Bởi vai trò của giáo viên rất quan trọng trong việc truyền tải kiến thức và tạo niềm hứng khởi cho học sinh trong việc tiếp thu, lĩnh hội những điều cần học. Và sự hỗ trợ của phụ huynh - những người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ cũng ảnh hưởng đến quá trình ứng dụng kỹ năng mềm của con.

KNM là chìa khóa giúp cho sinh viên tự tin bước vào đời. Kiến thức học được rồi sẽ cũ theo thời gian, nhưng những KNM thì luôn mới bởi nó giúp cho con người luôn sáng tạo để có thể hội nhập, thích nghi với bản lĩnh và nghị lực của sự học hỏi không ngừng. Vì vậy, đổi mới phương pháp giảng dạy các môn học liên quan đến KNM là rất quan trọng, giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của KNM đối với sự thành công của con người.

Không phải là một nhiệm vụ dễ dàng để phát triển KNM cho sinh viên trong thời gian 3 đến 4 năm học đại học khi họ đã trải qua thời gian dài (5 năm tiểu học, 4 năm trung học cơ sở và 3 năm trung học phổ thông) tiếp xúc với phong cách “học vẹt” và hệ thống giáo dục theo định hướng kiểm tra trong những năm hình thành tính cách cá nhân của họ. Trong khi đó, việc phát triển KNM thông qua những môn học độc lập chỉ dạy trong một khoảng thời gian 3, 4 học kì và những môn học này lại là những khóa học không chính thức, đôi khi một số trường hợp sinh viên phải trả chi phí cho việc tham gia đào tạo này. Do đó tích hợp các yếu tố KNM khi thiết kế các chương trình giảng dạy có thể sẽ là một giải pháp tốt hơn. Tích hợp KNM vào việc giảng dạy là một điều cần thiết, là môi trường để sinh viên rèn luyện kỹ năng khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Tuy nhiên, việc tích hợp này cần nhiều điều kiện như: Giảng viên phải sử dụng phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm; Giảng viên phải luôn cập nhật được các kiến thức về KNM liên quan đến thị trường việc làm, phù hợp với từng ngành nghề nhất định;... Có như vậy, việc tích hợp KNM vào giảng dạy chuyên môn mới có thể mang lại hiệu quả tốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dubrin, A. *Human Relations: Interpersonal, Job-Oriented Skills*. Eighth Edition. Pearson Prentice Hall; 2004.
- [2] Murnane, R. *Teaching the new basic skills: Principles for educating children to thrive in a changing economy*. New York: Free Press; 1996.
- [3] Maes, J, Weldy,T., Icenogel, M. “A Managerial Perspective: Oral Communication is Most Important for Business Students in the Workplace”. *The Journal of Business Communication*. 1997; 34(1): pp.67-80.
- [4] Argenti, Paul A., Forman, J. *Should business schools teach Aristotle?*. Truy cập từ trang web <http://www.strategy-business.com/briefs/98312> [Ngày truy cập: 01/07/2019].
- [5] Cameron, K., Whetten, D. *Developing management skills*. Upper Saddle River: Pearson Prentice Hall; 2002.
- [6] Gupta, Y. Building a better business student. *BizEd*. 2009; 9(6): pp.62-63.
- [7] Perreault, H. *Business educators can take a leadership role in character education*, *Business Education Forum*. 2004; 59: pp.23-24.
- [8] Bernd Schulz. “The Importance of Soft Skills: Education beyond academic knowledge”. *Journal of Language and Communication*. 2008; pp.146-154.
- [9] Meenu, W. and R. W. Kumar. Developing Soft Skill in Students, *The International Journal of Learning*. 2009; 15(12): pp.200.
- [10] Hodges, D., Burchell, N. Business graduate competencies: Employers’ views on importance and performance. *Asia-Pacific Journal of Cooperative Education*. 2003; 4(2): pp.16-22.
- [11] Rubin, R.S. How relevant is the MBA? Assessing the alignment of required curricula and required managerial competencies. *Academy of Management Learning & Education*. 2009; 8(2): pp.208–224.
- [12] Robles, M. M. Executive Perceptions of the Top 10 Soft Skills Needed in Today’s Workplace. *Business Communication Quarterly*. 2012; 75(4): pp.453–465.
- [13] S. Mangala Ethaiya Rani. “Need and Importance of soft skills in students”. *Journal of Literature, culture and Media studies*. 2010; 2(3): pp.1-6.
- [14] James, R. F., James, M. L. Teaching career and technical skills in a “mini” business world. *Business Education Forum*. 2004; 59(2): pp.39-41.
- [15] Glenn, J. L. Business success often depends on mastering the “sixth R -” Relationship literacy. *Business Education Forum*. 2003; 58(1): pp.9-13.
- [16] Hall, B. The top training priorities for 2003. *Training*. 2003; 40(2): pp.38 -42.
- [17] Roselina Shakir, Soft skills at the Malaysian institutes of higher learning. *Asia Pacific Education Review*. 2009; 10: pp.309–315.
- [18] Anna Le, Anh Le. 7 khác biệt về giảng dạy kỹ năng mềm tại BVU. Truy cập từ trang web http://bvuv.edu.vn/bvu/-/asset_publisher/1SS24BzdXWeD/content/7-khac-biet-ve-giang-day-ky-nang-mem-tai-bvu [Ngày truy cập: 01/07/2019].
- [19] Hương Giang. *Lần đầu tiên đưa kỹ năng mềm vào chương trình đào tạo bắt buộc*. truy cập từ trang web <https://vnu.edu.vn/ttsk/?C1654/N7868/Lan-dau-tien-dua-ky-nang-mem-vao-chuong-trinh-dao-tao-bat-buoc.htm> [Ngày truy cập: 01/07/2019].
- [20] Merriam, S., Leahy, B. Learning transfer: A review of the research in adult education and training. *PAACE Journal of Lifelong Learning*. 2005: pp.1-25.
- [21] Olsen, J. H. The evaluation and enhancement of training transfer. *International Journal of Training and Development*. 1998; pp.61-75.
- [22] Nguyễn Vũ Duy và Vũ Thanh Tùng. Đào tạo kỹ năng mềm từ kinh nghiệm thực tiễn đến giải pháp đề xuất. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học đào tạo kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*. 2018: trang 232-239.
- [23] Mitchell G. W. Essential soft skills for success in the twenty-first century workforce as perceived by Alabama business/marketing educators. *Publication Manual of the American Psychological Association*. 2008.
- [24] Hairuzila Idrus, Hazadiah Mohd, Dahan, Normah Abdullah. Challenges in the Integration of the soft skills in Teaching Technical Courses: Lecturers’s Perspectives. *Asian Journal of University Education*. 2009; Vol.5, No.2: pp. 67-81.
- [25] Chynette Nealy. Integrating soft skills through active learning in the management classroom. *Journal of College Teaching & Learning*. 2005; Vol.2, No.4: pp.1-6.